

Số: /QĐ-UBND

Yên Thế, ngày tháng 07 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành
Công trình: Cải tạo kênh thoát nước phố Đề Nắm thị trấn Phồn Xương**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về việc Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/2/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;

Xét đề nghị của Phòng Tài chính - Kế hoạch tại Báo cáo số 698/BC-TCKH ngày 11/7/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành:

- Tên công trình: Cải tạo kênh thoát nước phố Đề Nắm thị trấn Phồn Xương
- Địa điểm xây dựng: Tại thị trấn Phồn Xương
- Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện.
- Khởi công: Tháng 07/2021. Hoàn thành: Tháng 12/2021.

Điều 2. Kết quả đầu tư:

1. Nguồn vốn đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Nguồn vốn	Tổng mức đầu tư	Giá trị phê duyệt quyết toán	Thực hiện	
			Số vốn đã thanh toán	Còn được thanh toán
Tổng số	251.697.000	239.066.000	200.000.000	39.066.000
1. Nguồn vốn đầu tư công	0	0	0	0
2. Nguồn vốn khác	251.697.000	239.066.000	200.000.000	39.066.000
- Ngân sách huyện	251.697.000	239.066.000	200.000.000	39.066.000

2. Chi phí đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Nội dung chi phí	Tổng mức đầu tư được duyệt	Chi phí đầu tư được quyết toán
Tổng số	251.697.000	239.066.000
- Chi phí xây lắp	215.491.000	215.491.000
- Chi phí quản lý dự án	5.413.000	5.413.000
- Chi phí tư vấn	17.525.000	16.900.000
- Chi khác	1.282.000	1.262.000
- Dự phòng	11.986.000	0

3. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản:

3.1. Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: 0 đồng.

3.2. Chi phí không tạo nên tài sản: 0 đồng.

4. Giá trị tài sản hình thành sau đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Thực tế	Quy đổi	Thực tế	Quy đổi
Tổng số			239.066.000	
Tài sản cố định			239.066.000	
Tài sản lưu động				

5. Vật tư thiết bị tồn đọng: 0 đồng

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan:

1. Chủ đầu tư:

- Được phép tất toán nguồn và quyết toán chi phí đầu tư của công trình là:

Đơn vị tính: đồng

Nguồn vốn	Số tiền (đồng)	Ghi chú
Tổng số	239.066.000	
1. Nguồn vốn đầu tư công	0	
2. Nguồn vốn khác	239.066.000	
- Ngân sách huyện	239.066.000	

- Tổng các khoản công nợ tính đến ngày 10 tháng 02 năm 2022 là:

+ Tổng nợ phải thu: 0 đồng.

+ Tổng nợ phải trả: 39.066.000 đồng

(Chi tiết theo phụ lục số 01 đính kèm)

2. Đơn vị tiếp nhận được phép ghi tăng tài sản:

Đơn vị tính: đồng

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn/cố định	Tài sản ngắn hạn
UBND thị trấn Phồn Xương	239.066.000	0

3. Phòng Tài chính - Kế hoạch và các đơn vị liên quan có trách nhiệm hướng dẫn chủ đầu tư thực hiện thanh, quyết toán vốn đầu tư công trình theo đúng quy định hiện hành của nhà nước.

Điều 4. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng HĐND và UBND huyện, Phòng Tài chính - Kế hoạch, Ban QLDA ĐTXD huyện, UBND thị trấn Phồn Xương, Kho bạc Nhà nước huyện và các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện.
- Chi cục Thuế;
- Lưu: VT.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Tuyên

BIỂU CHI TIẾT CÔNG NỢ CỦA DỰ ÁN

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /07 /2022 của Chủ tịch UBND huyện)

Đơn vị tính: đồng

Tên cá nhân, đơn vị	Nội dung thực hiện	Số tiền	Ghi chú
Công nợ phải thu		0	
Công nợ phải trả		39.086.000	
Công ty TNHH tư vấn đầu tư và xây dựng Văn Tiến	Chi phí xây lắp	15.491.000	
Công ty cổ phần xây dựng số 10	Chi phí lập BC KTKT	11.873.000	
Ban QLDA ĐTXD huyện	Chi phí giám sát	5.027.000	
	Chi phí QLDA	5.413.000	
Phòng Kinh tế và Hạ tầng	Lệ phí thẩm định BC KTKT	21.000	
Phòng Tài chính - Kế hoạch	Chi phí thẩm tra QT	1.241.000	